

BẢNG QUY ĐỔI DẶM LẤY THƯỞNG NÂNG HẠNG

Số dặm trừ cho 1 chặng bay, áp dụng lấy thưởng từ 01/06/2026

Nhóm đường bay	Mùa lấy thưởng	Nâng lên hạng Thương gia				Nâng lên hạng Phổ thông Đặc biệt	
		Từ Phổ thông Linh hoạt Y B M	Từ Phổ thông Tiêu chuẩn S H K L	Từ Phổ thông Tiết kiệm Q⁽³⁾ N R	Từ Phổ thông đặc biệt W Z U	Từ Phổ thông Linh hoạt Y B M	Từ Phổ thông Tiêu chuẩn (S H K L)³
Nội địa Việt Nam 1 ⁽¹⁾ (Chặng bay dưới 400 dặm)	Mùa thường	5.000	9.000		4.000	3.000	4.000
	Mùa cao điểm	6.000	10.000		4.000	3.000	5.000
Nội địa Việt Nam 2 ⁽²⁾ (Chặng bay từ 400 dặm trở lên)	Mùa thường	12.000	17.000		9.000	5.000	7.000
	Mùa cao điểm	13.000	18.000		10.000	6.000	8.000
Hà Nội – Vientiane/Luang Prabang; TP. Hồ Chí Minh – Phnom Penh/Siem Reap; Đà Nẵng – Siem Reap	Mùa thường	10.000	13.000	16.000			
	Mùa cao điểm	11.000	14.000	17.000			
Hà Nội – Siem Reap/Phnom Penh; Vientiane – Phnom Penh; Luang Prabang – Siem Reap; TP. Hồ Chí Minh – Vientiane	Mùa thường	15.000	17.000	20.000			
	Mùa cao điểm	17.000	19.000	22.000			
Việt Nam – Indonesia/Myanmar/Philippines/Singapore/Thailand	Mùa thường	16.000	20.000	24.000			
	Mùa cao điểm	16.000	20.000	24.000			
Chặng bay từ Việt Nam – Malaysia	Mùa thường	16.000	20.000	24.000			
	Mùa cao điểm	16.000	20.000	24.000			
Chặng bay từ Malaysia – Việt Nam	Mùa thường	18.000	22.000	26.000			
	Mùa cao điểm	18.000	22.000	26.000			
Việt Nam – Trung quốc/Macao (Trung Quốc)/Đài Bắc/Đài chung/Cao Hùng	Mùa thường	50.000	54.000	58.000			
	Mùa cao điểm	52.000	56.000	60.000			
Việt Nam – Hong Kong (Trung Quốc)	Mùa thường	52.000	56.000	60.000			
	Mùa cao điểm	54.000	58.000	62.000			

Việt Nam – Hàn Quốc	Mùa thường	30.000	40.000	45.000			
	Mùa cao điểm	32.000	42.000	47.000			
Việt Nam – Nhật Bản	Mùa thường	40.000	55.000	60.000	30.000	25.000	30.000
	Mùa cao điểm	40.000	55.000	60.000	30.000	30.000	35.000
Chặng bay từ Việt Nam – Ấn độ	Mùa thường	25.000	30.000	35.000	20.000	13.000	15.000
	Mùa cao điểm	30.000	35.000	40.000	25.000	13.000	15.000
Chặng bay từ Ấn độ – Việt Nam	Mùa thường	38.000	44.000	50.000	33.000	13.000	15.000
	Mùa cao điểm	43.000	49.000	55.000	38.000	13.000	15.000
Việt Nam – Úc	Mùa thường	100.000	110.000	120.000	80.000	40.000	50.000
	Mùa cao điểm	115.000	125.000	135.000	90.000	45.000	55.000
Việt Nam – Nga	Mùa thường	100.000	110.000	120.000	75.000	40.000	45.000
	Mùa cao điểm	120.000	130.000	140.000	85.000	50.000	55.000
Chặng bay từ Việt Nam – Anh	Mùa thường	113.000	123.000	133.000	93.000	38.000	48.000
	Mùa cao điểm	123.000	133.000	143.000	103.000	46.000	56.000
Chặng bay từ Anh – Việt Nam	Mùa thường	120.000	130.000	140.000	100.000	42.000	52.000
	Mùa cao điểm	130.000	140.000	150.000	110.000	50.000	60.000
Chặng bay từ Việt Nam – Đức/Ý/Hà Lan	Mùa thường	115.000	125.000	135.000	95.000	40.000	50.000
	Mùa cao điểm	125.000	135.000	145.000	105.000	48.000	58.000
Chặng bay từ Đức/Ý/Hà Lan – Việt Nam	Mùa thường	118.000	128.000	138.000	98.000	41.000	51.000
	Mùa cao điểm	128.000	138.000	148.000	108.000	49.000	59.000
Chặng bay từ Việt Nam – Pháp	Mùa thường	115.000	125.000	135.000	95.000	40.000	50.000
	Mùa cao điểm	125.000	135.000	145.000	105.000	48.000	58.000
Chặng bay từ Pháp – Việt Nam	Mùa thường	118.000	128.000	138.000	98.000	41.000	51.000
	Mùa cao điểm	128.000	138.000	148.000	108.000	49.000	59.000
Chặng bay từ Việt Nam – Đan Mạch	Mùa thường	105.000	115.000	125.000	90.000	35.000	45.000

	Mùa cao điểm	115.000	125.000	135.000	100.000	43.000	53.000
Chặng bay từ Đan Mạch – Việt Nam	Mùa thường	109.000	119.000	129.000	94.000	36.000	46.000
	Mùa cao điểm	119.000	129.000	139.000	104.000	44.000	54.000
Việt Nam – Mỹ	Mùa thường	176.000	196.000	206.000	146.000	56.000	66.000
	Mùa cao điểm	206.000	226.000	236.000	166.000	71.000	81.000

Lưu ý:

- Chỉ áp dụng đối với vé mua thông thường được nâng hạng, không áp dụng nâng hạng các loại vé thường, vé giảm giá.
- Số dặm trừ để nâng hạng đã bao gồm chênh lệch thuế, phí. Hội viên không phải trả thêm chênh lệch thuế, phí bằng tiền (Trừ phí dịch vụ xuất vé tại chi nhánh)
- Chỉ thực hiện nâng hạng khi hội viên có chỗ hạng Thương gia (Hạng đặt chỗ O) hoặc hạng Phổ thông Đặc biệt (Hạng đặt chỗ U) được xác nhận.
- Tại thời điểm làm thủ tục chuyến bay, hội viên có thể lấy thưởng **nâng hạng trên chặng bay Nội địa Việt Nam** tại sân bay: Nội Bài (Hà Nội), Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất (Tp. Hồ Chí Minh) với mức trừ dặm nâng hạng thông thường và trả thêm phí dịch vụ (nếu có).

(1) Nhóm nội địa Việt Nam 1 bao gồm các chặng bay có khoảng cách dưới 400 dặm:

- Chặng bay giữa Hà Nội và Điện Biên / Đà Nẵng / Đồng Hới / Huế / Vinh...
- Chặng bay giữa TP. Hồ Chí Minh và Buôn Ma Thuột / Chu Lai / Côn Đảo / Đà Nẵng / Đà Lạt / Huế / Nha Trang / Pleiku / Phú Quốc / Rạch Giá / Quy Nhơn / Tuy Hòa...
- Chặng bay giữa Đà Nẵng và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Hải Phòng / Nha Trang / Pleiku / Thanh Hóa / Vinh / Vân Đồn...
- Chặng bay giữa Đà Lạt và Cần Thơ / Huế / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Buôn Ma Thuột và Nha Trang / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Cần Thơ và Buôn Ma Thuột / Côn Đảo / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Hải Phòng và Điện Biên...
- Chặng bay giữa Nha Trang và Phú Quốc...

(2) Nhóm nội địa Việt Nam 2 bao gồm các chặng bay có khoảng cách từ 400 dặm trở lên:

- Chặng bay giữa Hà Nội và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Chu Lai / Cần Thơ / TP. Hồ Chí Minh / Nha Trang / Pleiku / Phú Quốc / Quy Nhơn / Tuy Hòa...
- Chặng bay giữa TP. Hồ Chí Minh và Đồng Hới / Hải Phòng / Thanh Hóa / Vinh / Vân Đồn / Điện Biên...
- Chặng bay giữa Hải Phòng và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Cần Thơ / Nha Trang / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Đà Nẵng và Cần Thơ / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Thanh Hóa và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Vinh và Buôn Ma Thuột / Đà Lạt / Cần Thơ / Nha Trang / Phú Quốc...
- Chặng bay giữa Huế và Phú Quốc...

(3) Trên chặng bay giữa Việt Nam và Châu Âu, Úc, Mỹ, Trung Quốc: Hạng đặt chỗ Q thuộc nhóm giá vé Phổ thông Tiêu chuẩn.

Số dặm trừ cho 1 chặng bay, áp dụng lấy thưởng trước 01/06/2026

Nhóm đường bay	Mùa lấy thưởng	Nâng lên hạng Thương gia				Nâng lên hạng Phổ thông Đặc biệt	
		Từ Phổ thông Linh hoạt Y B M	Từ Phổ thông Tiêu chuẩn S H K L	Từ Phổ thông Tiết kiệm Q⁽³⁾ N R	Từ Phổ thông đặc biệt W Z U	Từ Phổ thông Linh hoạt Y B M	Từ Phổ thông Tiêu chuẩn (S H K L)³
Nội địa Việt Nam 1 ⁽¹⁾ (Chặng bay dưới 400 dặm)	Mùa thường	5.000	9.000		4.000	3.000	4.000
	Mùa cao điểm	6.000	10.000		4.000	3.000	5.000
Nội địa Việt Nam 2 ⁽²⁾ (Chặng bay từ 400 dặm trở lên)	Mùa thường	12.000	17.000		9.000	5.000	7.000
	Mùa cao điểm	13.000	18.000		10.000	6.000	8.000
Hà Nội – Vientiane/Luang Prabang; TP. Hồ Chí Minh – Phnom Penh/Siem Reap; Đà Nẵng – Siem Reap	Mùa thường	10.000	13.000	16.000			
	Mùa cao điểm	11.000	14.000	17.000			
Hà Nội – Siem Reap/Phnom Penh; Vientiane – Phnom Penh; Luang Prabang – Siem Reap; TP. Hồ Chí Minh – Vientiane	Mùa thường	15.000	17.000	20.000			
	Mùa cao điểm	17.000	19.000	22.000			
Việt Nam – Indonesia/Myanmar/Philippines/Singapore/Thailand	Mùa thường	16.000	20.000	24.000			
	Mùa cao điểm	16.000	20.000	24.000			
Chặng bay từ Việt Nam – Malaysia	Mùa thường	16.000	20.000	24.000			
	Mùa cao điểm	16.000	20.000	24.000			
Chặng bay từ Malaysia – Việt Nam	Mùa thường	18.000	22.000	26.000			
	Mùa cao điểm	18.000	22.000	26.000			
Việt Nam – Trung quốc/Macao (Trung Quốc)/Đài Bắc/Đài chung/Cao Hùng	Mùa thường	20.000	24.000	28.000			
	Mùa cao điểm	22.000	26.000	30.000			
Việt Nam – Hong Kong (Trung Quốc)	Mùa thường	22.000	26.000	30.000			
	Mùa cao điểm	24.000	28.000	32.000			
Việt Nam – Hàn Quốc	Mùa thường	30.000	40.000	45.000			

	Mùa cao điểm	32.000	42.000	47.000			
Việt Nam – Nhật Bản	Mùa thường	40.000	55.000	60.000	30.000	25.000	30.000
	Mùa cao điểm	40.000	55.000	60.000	30.000	30.000	35.000
Chặng bay từ Việt Nam – Ấn độ	Mùa thường	25.000	30.000	35.000	20.000	13.000	15.000
	Mùa cao điểm	30.000	35.000	40.000	25.000	13.000	15.000
Chặng bay từ Ấn độ – Việt Nam	Mùa thường	38.000	44.000	50.000	33.000	13.000	15.000
	Mùa cao điểm	43.000	49.000	55.000	38.000	13.000	15.000
Việt Nam – Úc	Mùa thường	50.000	60.000	70.000	40.000	25.000	35.000
	Mùa cao điểm	65.000	75.000	85.000	50.000	30.000	40.000
Việt Nam – Nga	Mùa thường	60.000	70.000	80.000	40.000	25.000	30.000
	Mùa cao điểm	90.000	100.000	110.000	60.000	45.000	50.000
Chặng bay từ Việt Nam – Anh	Mùa thường	110.000	120.000	130.000	90.000	35.000	45.000
	Mùa cao điểm	120.000	130.000	140.000	100.000	43.000	53.000
Chặng bay từ Anh – Việt Nam	Mùa thường	115.000	125.000	135.000	95.000	37.000	47.000
	Mùa cao điểm	125.000	135.000	145.000	105.000	45.000	55.000
Chặng bay từ Việt Nam – Đức/Y/Hà Lan	Mùa thường	110.000	120.000	130.000	90.000	35.000	45.000
	Mùa cao điểm	120.000	130.000	140.000	100.000	43.000	53.000
Chặng bay từ Đức/Y/Hà Lan – Việt Nam	Mùa thường	113.000	123.000	133.000	93.000	36.000	46.000
	Mùa cao điểm	123.000	133.000	143.000	103.000	44.000	54.000
Chặng bay từ Việt Nam – Pháp	Mùa thường	110.000	120.000	130.000	90.000	35.000	45.000
	Mùa cao điểm	120.000	130.000	140.000	100.000	43.000	53.000
Chặng bay từ Pháp – Việt Nam	Mùa thường	113.000	123.000	133.000	93.000	36.000	46.000
	Mùa cao điểm	123.000	133.000	143.000	103.000	44.000	54.000
Chặng bay từ Việt Nam – Đan Mạch	Mùa thường	100.000	110.000	120.000	85.000	30.000	40.000
	Mùa cao điểm	110.000	120.000	130.000	95.000	38.000	48.000

Chặng bay từ Đan Mạch – Việt Nam	Mùa thường	104.000	114.000	124.000	89.000	31.000	41.000
	Mùa cao điểm	114.000	124.000	134.000	99.000	39.000	49.000
Việt Nam – Mỹ	Mùa thường	120.000	140.000	150.000	95.000	45.000	55.000
	Mùa cao điểm	150.000	170.000	180.000	110.000	60.000	70.000